

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT KHANG PRO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT KHANG PRO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANG PRO TECHNICAL AND TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KHANG PRO TECHNICAL AND TRADE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702775892

**3. Ngày thành lập:** 31/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

778/9 Lê Hồng Phong, Khu phố 3, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3311     |
| 2.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3312     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4663     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299     |
| 5.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7020     |
| 6.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>( không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2592     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành); Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 8.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)                                                                                                                                                                                                                                       | 4761     |
| 9.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                  | 4651                                                               |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                   | 4652                                                               |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị công nghiệp, dân dụng;<br>thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                          | 4659(Chính)                                                        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng (trừ máy vi<br>tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                        | 4669                                                               |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản)                                                                                                                                                         | 4610                                                               |
| 15. | In ấn<br>(trừ in trên các sản phẩm bao bì, dệt, may, đan)                                                                                                                                                                                            | 1811                                                               |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế đồ họa (trừ thiết kế công trình)                                                                                                                                                                | 7410                                                               |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                       | 4933                                                               |
| 18. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                  | 5022                                                               |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                  | 5229                                                               |
| 20. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                                                          | 5320                                                               |
| 21. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động<br>vật sống                                                                                                                                                                            | 4620                                                               |
| 22. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                   | 4632                                                               |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không<br>kèm người điều khiển<br>chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng công nghiệp                                                                                                     | 7730                                                               |
| 24. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                            | 3320                                                               |
| 25. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật<br>về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi<br>trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều<br>kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp<br>mã với Hệ thống ngành<br>kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ THỊ THU TRANG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 08/11/1983 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 281148065

Ngày cấp: 16/08/2012 Nơi cấp: CA Tỉnh Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 778/9 Lê Hồng Phong, Khu phố 3, Phường Phú Thọ,  
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 778/9 Lê Hồng Phong, Khu phố 3, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ  
Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/11/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 281148065

Ngày cấp: 16/08/2012

Nơi cấp: CA Tỉnh Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 778/9 Lê Hồng Phong, Khu phố 3, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 778/9 Lê Hồng Phong, Khu phố 3, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương